

PRÁVA A POVINNOSTI ŽÁKŮ

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỌC TRÒ

Tato práva stanoví **školský zákon (§ 20–22)**. Upřesňuje je **školní řád**, což je dokument upravující vnitřní život každé školy. Je platný a závazný pro všechny žáky, jejich zákonné zástupce, zaměstnance i účastníky školních akcí. Výňatek školního řádu naší školy naleznete na stránkách školy.

Žáci mají právo:

- **Na vzdělávání a školské služby:** mohou např. chodit do školní družiny či školní jídelny. Některé tyto služby jsou zpoplatněné. viz infosheety *Školní jídelna* a *Školní družina*
- **Na informace a poradenskou pomoc školy nebo školského poradenského zařízení v záležitostech týkajících se vzdělávání.** viz infosheet *Školní poradenské centrum*.
- **Na zakládání žákovských organizací**, jako např. žákovská rada, školní či třídní sněmy. Mohou v nich volit a být do nich voleni, pracovat v nich a jejich prostřednictvím se podílet na změnách v rámci fungování školy.
- **Na bezplatnou jazykovou přípravu a podporu (týká se žáků s odlišným mateřským jazykem).** viz infosheet *Jazyková příprava a podpora pro žáky s odlišným mateřským jazykem*
- **Na informace** o průběhu a výsledcích svého vzdělávání.
- **Vyjadřovat se ke všem rozhodnutím týkajícím se podstatných záležitostí jejich vzdělávání.**

Quyền này được định theo **luật giáo dục (§20 – 220)**. Và được cụ thể hóa bởi **nội qui nhà trường**, đây là văn bản qui định hoạt động nội bộ của mỗi trường. Văn bản có giá trị ràng buộc dành cho tất cả các học sinh, người đại diện pháp lý, nhân viên nhà trường và những ai tham gia các hoạt động của trường. Trích dẫn của nội qui quý vị tìm thấy trên trang web của trường.

Các học trò có quyền:

- **Được đi học và sử dụng các dịch vụ học đường:** ví dụ, các em có quyền tham gia nhóm bán trú và nhà ăn. Một số dịch vụ phải trả tiền. Xem thêm mục thông tin *Nhà ăn và Nhóm bán trú*
- **Được biết và sử dụng dịch vụ tư vấn của trường hoặc cơ sở tư vấn học đường trong những việc liên quan đến việc học hành.** Xem thêm mục thông tin *Cơ sở tư vấn học đường nhà trường*.
- **Được thành lập các tổ chức sinh viên**, ví dụ như hội đồng học sinh, hội đồng nhà trường hoặc lớp. Các em được bỏ phiếu và có quyền được bầu vào hội, tham gia các hội và thông qua hội tham gia vào các thay đổi trong phạm vi hoạt động của trường.
- **Được hỗ trợ học tiếng miễn phí (dành cho các em có tiếng mẹ đẻ khác).** Xem thêm mục thông tin *Học tiếng và hỗ trợ dành cho các em có tiếng mẹ đẻ khác*
- **Được biết** về quá trình học cũng như kết quả học.
- **Bày tỏ ý kiến về các quyết định liên quan đến những vấn đề quan trọng trong việc học tập của em.**

PRÁVA A POVINNOSTI ŽÁKŮ

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỌC TRÒ

Žáci mají povinnost:

- **Řádně docházet do školy a řádně se vzdělávat.**
- **Dodržovat školní a vnitřní řád** a předpisy a pokyny školy k ochraně zdraví a bezpečnosti, s nimiž byli seznámeni. Pokud žák opakovaně a vážně porušuje pravidla, může dostat třídní důtku, ředitelskou důtku, nebo horší známku z chování na vysvědčení.
- **Plnit pokyny pedagogických pracovníků školy** vydané v souladu s právními předpisy a školním nebo vnitřním řádem.
- **Docházet do školy každý den s potřebnými pomůckami.** Z rozvrhu hodin můžete zjistit, co Vaše dítě potřebuje na daný školní den.

Các học trò có nghĩa vụ:

- **Đi học đều và học hành nghiêm túc.**
- **Tuân thủ nội quy và quy định**, luật lệ và các hướng dẫn của nhà trường về việc bảo vệ an toàn sức khỏe mà các em được biết đến. Nếu học sinh vi phạm nhiều lần và nghiêm trọng các qui định, em sẽ bị giáo viên chủ nhiệm, tiếp theo là hiệu trưởng trường kỷ luật, hoặc tệ hơn là bị chấm điểm hạnh kiểm kém trên bảng điểm.
- **Thực hiện các chỉ dẫn** của đội ngũ giáo viên nhà trường, được tuân thủ theo nội quy và quy định nhà trường.
- **Mang đầy đủ đồ dùng học tập đến trường mỗi ngày.** Quý vị có thể biết con cần đồ dùng gì cho ngày nào thông qua thời khóa biểu.